

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2018

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngư

2. Ông Lâm Quốc Em

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/8/2018; Về việc: *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc D, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22 tháng 8 năm 2018, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị T với anh Phạm Quốc D sau thời gian quen nhau, tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 – Quyền số 01/2014 ngày 19/5/2014. Sau khi cưới, chị cùng về sống chung bên gia đình chồng tại ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; cuộc sống hôn nhân của vợ chồng trong thời gian đầu rất hạnh phúc được khoảng 03 năm và chị với anh D có 02 con chung tên Phạm Thành Đ, sinh ngày 13/02/2014 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/01/2017. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, nhưng đến ngày

17/02/2017 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do anh D thiếu sự quan tâm đến gia đình và uống rượu về đánh đập, ngược đãi chị dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị với anh D không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng do anh D đã có người phụ nữ khác bên ngoài.

Nay chị cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh D không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, trong thời gian sống ly thân hai bên không có nguyện vọng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền nuôi 02 con cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 13/02/2014 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/01/2017 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Phạm Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phạm Quốc D được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T và cũng như vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Phạm Quốc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Phạm Quốc D. Xét thấy, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Phạm Quốc D.

[2]Về nội dung:

Chị Trần Thị T với anh Phạm Quốc D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 – Quyền số 01/2014 ngày 19/5/2014. Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung bên gia đình của anh D tại ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; cuộc sống hôn nhân của họ hạnh phúc được khoảng 03 năm và có với nhau 02 con chung tên Phạm Thành Đ, sinh ngày

13/02/2014 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/01/2017, hiện do chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, đến ngày 17/02/2017 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do anh D thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình và uống rượu về đánh đập, ngược đãi chị T dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T với anh D không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, theo chị T nguyên nhân là do anh D đã có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh D không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, trong thời gian sống ly thân hai bên không có nguyện vọng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc D theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị T với anh Phạm Quốc D cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 – Quyển số 01/2014 ngày 19/5/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh D là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân của họ có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không được hàn gắn, hòa giải của gia đình hai bên và anh Phạm Quốc D thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến gia đình, theo chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn do anh D thường xuyên uống rượu về hay đánh đập, ngược đãi chị và hiện anh D đã có người phụ nữ khác bên ngoài, không còn quan tâm đến cuộc sống của gia đình. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T với anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay chị Trần Thị T cương quyết xin ly hôn với anh Phạm Quốc D nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Phạm Quốc D.

[4] Về con chung:

Chị Trần Thị T với anh Phạm Quốc D có 02 con chung tên Phạm Thành Đ, sinh ngày 13/02/2014 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/01/2017, hiện do chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, còn anh D không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu về quyền nuôi con của chị T và cũng như không có yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Ngoài ra, hiện nay cháu Đ và cháu A còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, riêng cháu A đang dưới 36 tháng tuổi. Nên, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn với anh D là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Trần Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Quốc D.

2/ *Về con chung*: Giao con chung hai cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 13/02/2014 và Phạm Ngọc A, sinh ngày 15/01/2017 cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho anh Phạm Quốc D được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Anh Phạm Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị T không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003726 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp xong.

5/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha